

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT THÁNG 07/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 27/07/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27215350267	Hoàng Đức Anh	02/12/2003	Thanh Hóa	31THT7	5.7	8.5	Đạt	
2	28215100230	Nguyễn Quang Anh	27/09/2004	Quảng Trị	31THT7	8.3	5.5	Đạt	
3	27211343064	Trần Tuấn Anh	06/02/2003	Quảng Bình	30CSC5	2.3	3.8	Không Đạt	
4	27218620886	Phan Tuấn Bình	15/04/2003	Quảng Bình	30TSC14	6.7	5.0	Đạt	
5	27213143811	Trần Đăng Hoàn	17/07/2003	Thừa Thiên H	31CBN3	7.0	3.0	Không Đạt	
6	28207100186	Phan Vũ Đình	20/02/2004	Quảng Nam	31CBN3	V	V	Không Đạt	
7	27206145563	A Viết Duy	19/07/2003	Quảng Nam	31THT3	5.3	4.0	Không Đạt	
8	28215206914	Nguyễn Quang Duy	18/07/2004	Đắk Lắk	31THT7	9.7	8.0	Đạt	
9	28205100236	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	30/01/2004	Gia Lai	31THT7	7.7	7.8	Đạt	
10	26215327066	Lê Đức Hà	15/03/2002	Đà Nẵng	31THT7	6.0	7.8	Đạt	
11	28207104334	Lê Thị Hồng Hà	29/07/2004	Phú Yên	31CBN3	4.0	5.5	Không Đạt	
12	28217330865	Phạm Thu Hà	14/03/2004	Gia Lai	31THT6	9.7	10.0	Đạt	
13	29206535477	Hoàng Phúc Nguyên	20/02/2005	Quảng Nam	31SYC2	7.7	2.0	Không Đạt	
14	28204905289	Lê Đào Phương	24/08/2004	Đà Nẵng	31THT7	3.7	6.8	Không Đạt	
15	27211502597	Lê Văn Hậu	25/09/2003	Đà Nẵng	31SHT3	7.7	5.3	Đạt	
16	28217102239	Đinh Thị Ngọc Hè	24/11/2004	Gia Lai	31CBN3	8.7	5.0	Đạt	
17	25218607284	Lê Đức Hiệp	14/12/2001	Quảng Trị	31CYC2	5.0	2.5	Không Đạt	
18	27213142717	Dương Trí Hoàng	05/06/2003	Bình Phước	31CBN3	3.7	4.0	Không Đạt	
19	27205345567	Nguyễn Văn Hoàng	05/09/2003	Bình Định	31THT7	6.3	8.5	Đạt	
20	28215137645	Nguyễn Mậu Huy	05/11/2004	Đà Nẵng	31THT7	7.3	5.3	Đạt	
21	28206254850	Trần Thị Khánh Huyền	07/08/2003	Hà Tĩnh	30TSC13	7.0	3.8	Không Đạt	
22	28212700452	Trần Khắc Kê	07/12/2004	Bình Định	31CBN3	7.0	4.0	Không Đạt	
23	27212122963	Phạm Quốc Khánh	02/09/2003	Quảng Bình	31TSC1	9.3	5.3	Đạt	
24	25216209773	Đoàn Đình Khôi	26/02/2001	Quảng Ngãi	30THT15	1.7	5.9	Không Đạt	
25	28207146176	Nguyễn Nhật Thanh	08/08/2004	Kon Tum	31CBN3	4.3	4.5	Không Đạt	
26	28205200623	Nguyễn Thị Ngọc Liên	04/10/2004	Quảng Nam	31THT7	6.3	7.3	Đạt	
27	27205229857	Huỳnh Thị Mỹ Linh	16/06/2003	Phú Yên	31THT7	5.7	7.0	Đạt	
28	28206206533	Trần Thị Thùy Linh	01/10/2004	Quảng Bình	31SBN2	6.7	3.6	Không Đạt	
29	27212543710	Võ Hoàng Linh	02/10/2003	Quảng Bình	31THT7	7.0	9.0	Đạt	
30	28204552405	Võ Thị Diệu Linh	15/05/2004	Đắk Lắk	31THT7	8.7	5.6	Đạt	
31	2121713645	Nguyễn Hoàng Bửu Long	20/09/1997	Đà Nẵng	31THT7	6.7	6.0	Đạt	
32	28205151766	Phan Kiều Ly	25/03/2004	Quảng Nam	31TBN4	5.0	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	27202102806	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	28/11/2003	Quảng Ngãi	30CSC6	6.3	3.8	Không Đạt	
34	27215239568	Lê Ty	Na	02/11/2003	Quảng Nam	31THT7	5.0	5.5	Đạt	
35	28204600802	Đinh Nguyên Kim	Ngân	18/05/2004	Quảng Nam	31CBN3	8.0	5.0	Đạt	
36	29204965387	Võ Kim	Ngân	01/08/2005	Đà Nẵng	31THT7	9.3	9.5	Đạt	
37	28205150091	Trần Huỳnh	Ngọc	10/09/2004	Đắk Lắk	31THT7	5.7	6.3	Đạt	
38	28205140602	Võ Bích	Ngọc	09/11/2004	Kon Tum	31TBN4	7.3	3.8	Không Đạt	
39	28206201805	Nguyễn Lê Thị Thảo	Nguyên	27/10/2004	Đà Nẵng	30TBN8	5.7	2.5	Không Đạt	
40	29204965703	Châu Thị Yên	Nhi	02/08/2005	Quảng Ngãi	31THT7	9.7	5.0	Đạt	
41	27203128314	Trần Phương Lan	Nhi	10/02/2003	Đắk Lắk	31THT7	7.3	6.3	Đạt	
42	27205334011	Phạm Thị Điệp	Oanh	29/09/2003	Nam Định	31THT7	8.0	9.0	Đạt	
43	28206501727	Nguyễn Ngọc Anh	Phi	07/07/2004	Quảng Ngãi	31TBN3	9.7	5.3	Đạt	
44	28214652661	Trương Công	Phúc	16/02/2004	Đà Nẵng	31THT3	V	V	Không Đạt	
45	27211243990	Phan Song Nhật	Phuong	08/04/2003	Huế	30TYC9	3.0	5.0	Không Đạt	
46	28214652823	Nguyễn Hồng	Quân	03/06/2004	Nghệ An	31SHT2	7.7	5.0	Đạt	
47	28204352646	Phan Thị Như	Quỳnh	31/07/2004	Đà Nẵng	31THT7	7.7	6.0	Đạt	
48	28204954297	Trần Nguyễn Như	Quỳnh	15/01/2004	Quảng Nam	31CBN3	9.3	8.0	Đạt	
49	28214802056	Dương Văn	Tài	22/10/2004	Đà Nẵng	31CYC2	6.0	6.5	Đạt	
50	28215203662	Phan Huy	Thân	05/03/2004	Đắk Lắk	31CBN3	7.7	5.0	Đạt	
51	28214304041	Lê Văn	Thắng	24/08/2004	Đắk Nông	31SBN1	2.3	1.3	Không Đạt	
52	29204965900	Trần Phương	Thảo	26/05/2005	Quảng Bình	31THT7	8.7	7.0	Đạt	
53	28204904011	Trần Ngọc Kiều	Thu	28/02/2003	Quảng Nam	31THT7	4.3	3.8	Không Đạt	
54	28217101592	Phạm Hữu	Tinh	16/08/2004	Đắk Lắk	31THT3	6.3	5.1	Đạt	
55	27216101603	Lê Quốc	Toàn	13/11/2003	Đắk Lắk	31CBN2	8.3	5.3	Đạt	
56	28205104312	Lê Phương	Trà	13/08/2004	Đắk Nông	31THT7	6.3	5.0	Đạt	
57	28207105011	Bùi Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	Phú Yên	31CBN3	9.7	5.3	Đạt	
58	27203130031	Lê Bạch Quỳnh	Trâm	18/12/2003	Quảng Ngãi	31CBN3	7.3	5.5	Đạt	
59	28205102103	Nguyễn Minh	Trâm	01/11/2004	Gia Lai	31TBN4	3.3	3.0	Không Đạt	
60	28205100813	Nguyễn Thị Phương	Trâm	25/05/2004	Gia Lai	31THT7	6.3	6.3	Đạt	
61	27202138179	Trần Phạm Huệ	Trân	26/09/2003	Quảng Ngãi	30TBN16	4.7	3.0	Không Đạt	
62	28207141186	Hoàng Đỗ Thùy	Trang	24/06/2004	Kon Tum	31CBN3	5.3	6.0	Đạt	
63	27212153208	Mai Lê Thùy	Trang	18/09/2003	Bình Định	31TBN2	5.7	5.3	Đạt	
64	27203850089	Phan Thị Thúy	Triều	27/07/2003	Hà Tĩnh	30CYC6	6.3	5.0	Đạt	
65	28204605765	Nguyễn Ngọc Thanh	Tú	03/08/2004	Đà Nẵng	31THT7	2.3	4.0	Không Đạt	
66	27212240668	Đinh Huỳnh Hoài	Tuyển	27/01/2003	Quảng Nam	30TYC12	4.0	3.8	Không Đạt	
67	27207132631	Võ Thị Thanh	Tuyền	26/07/2003	Quảng Nam	30THT16	9.0	3.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	29204937281	Trương Trần Đài	Vĩ	22/04/2005	Đà Nẵng	31THT7	5.3	5.0	Đạt	
69	27211300156	Lý Thế	Vinh	19/02/2003	Phú Yên	31TBN2	6.7	5.8	Đạt	
70	28204324491	Lê Trường	Vy	10/12/2004	Quảng Ngãi	31SHT2	7.3	5.3	Đạt	
71	27203836606	Trịnh Thị Như	Ý	19/09/2003	Quảng Nam	30TBN15	8.3	6.3	Đạt	
72	28204401950	Võ Thị Như	Ý	21/07/2004	Quảng Ngãi	30TBN13	V	V	Không Đạt	
73	29204654391	Võ Thị Như	Ý	28/11/2005	Gia Lai	31THT7	7.3	7.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh